DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: 3452 ***/QĐ - VPCNCLQG ngày*** *10* ***tháng 11 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/ of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Phòng Quản lý Chất lượng Nước**
Laboratory:	***Water Quality Management Department***
Tổ chức/ Cơ quan chủ quản:	**Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Bình Định**
Organization:	***Binh Dinh Water Supply and Sewerage Joint Stock Company***
Số hiệu/ *Code*:	**VILAS 974**
Chuẩn mực công nhận/ *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Hóa, Sinh**
Field:	***Chemical, Biological***
Người quản lý/ *Laboratory manager:*	**Tô Thị Ngọc Hiếu**
Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:*	**Kể từ ngày** *10* **/11/2026 đến ngày 18/12/2030**
Địa chỉ/ *Address*:	**Số 146 đường Lý Thái Tổ, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai** ***No. 146 Ly Thai To Street, Quy Nhon Nam Ward, Gia Lai Province***
Địa điểm/ *Location*:	**Tổ 8, Khu phố 3, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai** ***Group 8, Quarter 3, Quy Nhon Bac Ward, Gia Lai Province***
Điện thoại/ *Tel*:	**02563 841 969**
E-mail:	**phongqlcln@gmail.com**
Website:	**binhdinhwaco.com.vn**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Sinh**

Field of testing: ***Biological***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Nước sạch, nước uống đóng chai** ***Domestic water, bottled drinking water***	Phát hiện và đếm *Pseudomonas aeruginosa* Phương pháp màng lọc *Detection and enumeration of Pseudomonas aeruginosa* *Method by membrane filtration*	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)
2.		Định lượng vi khuẩn *Escherichia coli* Phương pháp màng lọc với nước có số lượng vi khuẩn thấp *Enumeration of Escherichia coli* *Membrane filtration method for waters with low bacterial background flora.*	-	ISO 9308-1:2014/ Amd.1:2016
3.		Định lượng vi khuẩn Coliform Phương pháp màng lọc với nước có số lượng vi khuẩn thấp *Enumeration of Coliform bacteria* *Membrane filtration method for waters with low bacterial background flora.*	-	ISO 9308-1:2014/ Amd.1:2016
4.	**Nước sạch** ***Domestic water***	Phát hiện và đếm *Staphylococcus aureus* Phương pháp màng lọc *Detection and enumeration of Staphylococcus aureus* *Method by membrane filtration*	-	SMEWW 9213B-6:2023

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa**

Field of testing: ***Chemical***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
1.	**Nước sạch, nước ngầm** ***Domestic water, ground water***	Xác định hàm lượng Sắt Phương pháp trắc phổ dùng 1,10-phenantrolin *Determination of iron content.* *Spectrometric method using 1,10 - phenanthroline*	0,05 mg/L	TCVN 6177:1996
2.	**Nước sạch, nước ngầm, nước uống đóng chai** ***Domestic water, ground water, bottled drinking water***	Xác định hàm lượng Mangan Phương pháp trắc quang dùng Fomaldoxim *Determination of Manganese content* *Formaldoxyme spectrometric method*	0,06 mg/L	TCVN 6002:1995
3.		Xác định hàm lượng Nitrit Phương pháp trắc phổ hấp thụ phân tử *Determination of Nitrite content* *Molecular absorption spectrometric method*	0,08 mg/L	TCVN 6178:1996
4.		Xác định hàm lượng Nitrat Phương pháp trắc phổ dùng axit Sunfosalixilic *Determination of Nitrate content.* *Spectrometric method using sulfosalicylic acid*	0,48 mg/L	TCVN 6180:1996
5.	**Nước sạch, nước ngầm** ***Domestic water, ground water***	Xác định hàm lượng Sunfat Phương pháp đo phổ *Determination of Sulfate content.* *Turbidimetric method*	10 mg/L	SMEWW 4500-SO_4^2E:2023
6.		Xác định độ đục Phương pháp đo bức xạ khuếch tán *Determination of Turbidity* *Measurement of diffuse radiation method*	0,8 NTU	TCVN 12402-1:2020
7.		Xác định hàm lượng Clorua Phương pháp Mohr *Determination of Chloride content* *Mohr's method*	5 mg/L	TCVN 6194:1996

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
8.	**Nước sạch, nước ngầm** ***Domestic water, ground water***	Xác định pH Phương pháp điện cực *Determination of pH value* *Electrode method*	(2~12)	TCVN 6492:2011
9.		Xác định chỉ số Pemanganat Phương pháp chuẩn độ $KMnO_4$ *Determination of Permanganate index* *$KMnO_4$ titrimetric method*	0,5 mg/L	TCVN 6186:1996
10.		Xác định tổng Canxi và Magie Phương pháp chuẩn độ EDTA. *Determination of the sum Calcium and Magnesium* *EDTA titrimetric method*	5 mg $CaCO_3$/L	TCVN 6224:1996
11.		Kiểm tra và xác định độ màu Phương pháp đo quang phổ *Examination and determination of colour* *Spectrometric method*	10 mg/L Pt-Co	TCVN 6185:2015
12.	**Nước sạch, nước ngầm, nước uống đóng chai** ***Domestic water, ground water, bottled drinking water***	Xác định hàm lượng Clo tổng số Phương pháp chuẩn độ Iốt *Determination of Residual Chlorine.* *Iodometric titration method*	1,0 mg/L	SMEWW 4500- Cl B : 2023
13.		Xác định mùi Phương pháp kiểm tra ngưỡng mùi *Determination of Odor* *Threshold odor test*		SMEWW 2150 B:2023
14.		Xác định vị Phương pháp kiểm tra ngưỡng vị *Determination of Taste* *Flavor threshold test*		SMEWW 2160 B: 2023
15.		Xác định Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Phương pháp khối lượng *Determination of Total Dissolved Solids* *Weight method*	20 mg/L	SMEWW 2540C:2023

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
16.	**Nước sạch** ***Domestic water***	Xác định hàm lượng Clo tự do Phương pháp UV-vis *Determination of free chlorine content* *UV-vis method*	0,1 mg/L	(b) TCVN 6225-2: 2021
17.		Xác định hàm lượng Sunfur Phương pháp chuẩn độ Iốt *Determination of sulfide content* *Iodometric titration method*	(a) 0,05 mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} F:2023
18.	**Nước sạch, nước ngầm, nước mặt, nước uống đóng chai** ***Domestic water, ground water, surface water, bottled drinking water***	Xác định hàm lượng Florua Phương pháp UV-vis *Determination of Fluoride content* *UV-vis method*	0,2 mg/L	HD/CL-PP34: 2025 (*Ref:* I.F.S.A- U221)
19.	**Nước sạch, nước ngầm, nước mặt** ***Domestic water, ground water, surface water***	Xác định hàm lượng Amoni Phương pháp UV-vis *Determination of Ammonium content* *UV-vis method*	0,05 mg/L	HD/CL-PP33: 2025 (*Ref:* I.F.S.A- U050)
20.	**Nước sạch** ***Domestic water***	Xác định hàm lượng Nhôm Phương pháp UV-vis *Determination of Aluminum content* *UV-vis method*	0,02 mg/L	HD/CL-PP35 : 2025 (*Ref*: I.F.S.A- U042)

Ghi chú/ ***Notes:***

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnam standard*
- SMEWW: Các phương pháp chuẩn xét nghiệm nước và nước thải/*Standard method for examination of water and wastewater*
- HD/CL-PP …: Phương pháp thử nội bộ/ *laboratory developed method*
- ref. phương pháp tham khảo/*reference method*
- Amd: phương pháp bổ sung/*Amendment*
- (a): Phép thử cập nhật LOQ tháng 11/2026/ *Test with an updated LOQ in Nov. 2026*
- (b): Phép thử mở rộng tháng 11/2026/ *Extend test in Nov. 2026*

Trường hợp Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Bình Định cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Bình Định phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the*

Binh Dinh Water Supply and Sewerage Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.